

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 50/ CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM /2023**  
**(TCCS 50:2023/NVL)**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam.

Địa chỉ: Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251.8877677

Fax: 0251 3836602

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung Bánh ăn dặm Gerber vị Cá Tuyết Cà Chua**

2. Thành phần: *Lúa mì (Flour Wheat Triticum Aestivum)*, Gạo trắng, *Yến mạch nguyên cám (Flour Oat Whole)*, Dầu hướng dương giàu acid oleic, Cà chua 6%, Đậu lăng đỏ, *Lúa mạch (Flour Barley)*, Bột Cá tuyết (*Cod Dried*) 0,71%, Calci carbonat, Acid L-ascorbic (Vitamin C), Chất điều chỉnh độ acid Acid citric, Kẽm sulfat, Tocopherol hỗn hợp (Vitamin E), Thiamin mononitrat (Vitamin B1).

Sản phẩm có chứa Cá, *Gluten (contain Fish, Gluten)* và có thể chứa Sữa, *Hải sản khác (may contain Milk, Other Seafood)*.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 49 g.

- Sản phẩm đóng trong hộp thiếc (phù hợp với quy định an toàn thực phẩm của Bộ Y tế về bao bì, vật liệu tiếp xúc với thực phẩm): 49 g/1 hộp, 12 hộp /1 thùng carton.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Trung Quốc.

- Sản xuất bởi: Công ty TNHH Nestlé Song Thành, Đường Hữu Nghị, Khu Song Thành, Thành phố Cáp Nhĩ Tân, Tỉnh Hắc Long Giang.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (*Xin đính kèm mẫu nhãn sản phẩm*)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 8-1:2011/BYT) đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục số 1.10; 2.9; 3.5; 4.7; 5.7; 6.4):

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa (ML)
1	Aflatoxin B1	ppb ( $\mu\text{g}/\text{kg}$ )	0,1
2	Ochratoxin A	ppb	0,5
3	Deoxynivalenol	ppb	200
4	Zearalenone	ppb	20
5	Fumonisin	ppb	200

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 8-2:2011/BYT) đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục số 3.18; 2.18; 6.9; 4.13):

STT	Kim loại	Đơn vị tính	Mức tối đa (ML)
1	Chì (Pb)	ppm ( $\text{mg}/\text{kg}$ )	0,2
2	Cadmi (Cd)	ppm	0,1
3	Thiếc (Sn)	ppm	250
4	Thủy ngân (Hg)	ppm	0,1

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (Mục số 6.5.2):

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa (ML)
1	TSVSVHK	cfu/g	$10^4$
2	Coliforms	cfu/g	10
3	<i>E.coli</i>	cfu/g	3
4	<i>S.aureus</i>	cfu/g	10
5	<i>Cl. perfringens</i>	cfu/g	10
6	<i>B.cereus</i>	cfu/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men-nấm mốc	cfu/g	100

- Thông tư số 24/1019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** *Amz*



Trưởng Phòng Đăng Ký Chất Lượng  
Hà Thị Kim Dung









**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 7896/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

- Tên mẫu: Thực phẩm bổ sung BÁNH ĂN DẶM GERBER VỊ CÁ TUYẾT CÀ CHUA
- Mã số mẫu: 03231955/DV.1
- Mô tả mẫu: Nguyên hộp 49 g  
Số lượng: 1. NSX: 02/04/2022 - HSD: 02/04/2023
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 14/03/2023
- Thời gian thử nghiệm: 14/03/2023 - 21/03/2023
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM  
Địa chỉ: Số 7, Đường 17A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2  
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (LOD: 10)
9.2*	<i>Cl. perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1)
9.3*	Coliform	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1)
9.4*	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1)
9.5*	<i>S. aureus</i>	CFU/g	FDA - BAM Chapter 12:2019	KPH (LOD: 10)
9.6*	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1)
9.7*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	$3,0 \times 10^1$
9.8*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.9*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,013
9.10*	Hàm lượng Thiếc	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,58
9.11*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.12*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.031 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,03)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC  
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request  
4. (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025  
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam  
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam  
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.13*	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 60)
9.14*	Hàm lượng Fumonisin	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 30)
9.15*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.16	Hàm lượng Patulin	µg/kg	NIFC.04.M.035 (HPLC)	KPH (LOD: 3)
9.17*	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 3)

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

**TU. VIỆN TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG KHOA**  
**ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**



**TS. Lê Thị Phương Thảo**



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
- (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.